TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 506/2019/HC-PT
Ngày: 26 - 7 - 2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Hoàng Minh Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 69/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1313/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Trần Minh C, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 71/3, Tổ 26, Khóm 3, Phường 4, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Minh K, sinh năm 1978 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Trần Đình D, Trung tâm tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Hội Luật gia Việt Nam (có mặt).

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là ông Nguyễn Nhựt P, chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị R, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số 35, Đường A1, Khóm 4, Phường 1, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà R: Luật sư Phan Duy V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị R, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông Trần Minh C; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C trình bày:

Ông có phần đất diện tích 4.855m^2 tọa lạc tại các thửa 112, 113, 140 và 194, tờ bản đồ số 4 tại phường 4, thành phố A, trên đất có căn nhà của ông cùng gia đình sinh sống từ trước năm 1975 và hiện nay vẫn còn sử dụng. Đất có nguồn gốc do cha của ông là cụ Trần Văn H khai phá khoảng năm 1954 và sử dụng. Đến năm 1979 cha ông giao lại cho ông quản lý, sử dụng, vào năm 1982 ông đưa đất vào tập đoàn sản xuất đến năm 1989 tập đoàn giải thể đã giao lại cho ông sử dụng liên tục cho đến nay, năm 1995 ông có xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy vì không có tiền nộp lệ phí.

Trong phần đất này có một phần diện tích 2.925,5m^2 Nhà nước thu hồi trong Dự án mở rộng Khu di tích Lăng cụ Nguyễn Sinh S, được duyệt tiền bồi thường, nhưng chưa chi trả đủ do có tranh chấp.

Ngày 04/10/2008 bà Lê Thị R ngụ tại tổ 25, khóm 5, phường 1, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp có đơn khiếu nại tranh chấp đòi quyền sử dụng đất yêu cầu ông phải trả diện tích 4.855m^2. Lúc đó được địa phương là Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Phường 4, hòa giải nội dung bác đơn khiếu nại của bà R, tiếp đó là UBND thành phố A ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 giải quyết tranh chấp giữa ông với bà R. Bà R không đồng ý nên có khiếu nại đến Sở Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra tỉnh giải quyết.

Ngày 17/9/2013 Chủ tịch UBND thành phố A ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị R. Quyết định này ông không khiếu nại, bà R có khiếu nại đến UBND Tỉnh.

Ngày 09/12/2013 Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ giải quyết giữ nguyên Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố A.

Đến ngày 18/10/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại tranh chấp đất và tiền bồi thường giữa bà Lê Thị R với ông C.

Phần đất diện tích 4.855m^2 ông sử dụng làm nhà ở và đăng ký địa chính trước ngày 15/10/1993, nên khi có tranh chấp thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/10/2017 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 323) giải quyết có nội dung phân chia quyền sử dụng đất và phân chia tiền bồi thường là hoàn toàn sai thẩm quyền.

Nên, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Quyết định số 323 do không đúng theo thẩm quyền.

Theo văn bản ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND Tỉnh trình bày:

Năm 2008, Nhà nước thực hiện Dự án mở rộng Khu di tích Lăng cụ Nguyễn Sinh S đã thu hồi diện tích 2.925,5m^2 và xác lập Phương án bồi thường cho ông Trần Minh C với số tiền là 1.009.237.000 đồng và giao 02 nền tái định cư. Bà Lê Thị R không đồng ý với phương án bồi thường của UBND thành phố A đối với ông Trần Minh C, nên khiếu nại.

Ngày 30/11/2009, UBND thành phố A ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND giải quyết. Bác đơn tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và đòi nhận tiền bồi thường đất của bà Lê Thị R. Bà Lê Thị R không thống nhất và tiếp tục khiếu nại.

Do Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND thành phố A sai về thẩm quyền ký ban hành văn bản. Ngày 17/9/2013, UBND thành phố A ban hành Quyết định số 386/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 89/QĐ-UBND; đồng thời ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị R.

Ngày 09/12/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND-ND giải quyết khiếu nại của bà R, chuẩn y Quyết định số 71/QĐ-UBND-NĐ ngày 17/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố A. Bà Lê Thị R khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ.

Ngày 15/7/2016, Cục III Thanh tra Chính phủ ban hành Công văn số 1786/TTCP- C.III gửi Chủ tịch UBND Tỉnh đề nghị giải quyết vụ việc theo hướng:

+ Hủy Quyết định 258/QĐ-UBND-ND ngày 09/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp diện tích 4.855m^2 đất giữa bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

+ Đối với phần đất còn lại; Công nhận quyền sử dụng 400m^2 đất ở cho ông Trần Minh C theo hiện trạng gồm nhà ở, công trình phụ và phần đất gia đình ông Trần Minh C lập khu mộ của gia đình năm 2009 (diện tích 75m^2).

+ Công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nghĩa địa cho gia tộc bà Lê Thị R theo hiện trạng mồ mả của gia tộc bà Lê Thị R; công nhận quyền sử dụng cho mỗi bên phân nữa diện tích đất trống còn lại (sau khi trừ đi diện tích đã công nhận cho ông Trần Minh C và gia tộc bà Lê Thị R).

+ Đối với tiền bồi thường và bố trí nền tái định cư: Chia đôi phần tiền bồi thường về đất, cây trồng trên đất, tổng số tiền là 1.009.237.000 đồng; mỗi bên được hưởng 01 nền tái định cư của Dự án Khu di tích Lăng cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh S.

Ngày 09/01/2017, Cục III Thanh tra Chính phủ có Công văn số 65/TTCP-C.III gửi UBND Tỉnh đề nghị Chủ tịch Tỉnh tiếp tục thực hiện Văn bản số 1786/TTCP-C.III ngày 15/7/2016 của Thanh tra Chính phủ.

Ngày 18/10/2017, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 323, có nội dung theo Công văn số 1786/TTCP-C.III ngày 15/7/2016 của Thanh tra Chính phủ.

Nên, ông Trần Minh C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh hủy Quyết định số 323 là không có cơ sở.

- Theo văn bản ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố A; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố A ông Ngô Quốc Tiến trình bày:

Đối với vụ kiện này UBND thành phố A đã giải quyết phần đất này là thuộc của ông C theo Quyết định số 71/QĐ-UBND và UBND Tỉnh đã chuẩn y quyết định này bằng Quyết định số 258/QĐ-UBND, tuy nhiên Thanh tra Chính phủ có công văn chỉ đạo UBND Tỉnh giải quyết vụ kiện này, ngày 18/10/2017, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 323, nên UBND thành phố A không ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Lê Thị R trình bày:

Bà R khiếu nại yêu cầu ông Trần Minh C trả lại diện tích đất 4.855m^2 mà ông lấn chiếm (gồm 2.925,5m^2 đất do giải tỏa thu hồi trong khu vực Dự án mở rộng Khu di tích Lăng cụ Nguyễn Sinh S, diện tích còn lại khoản 1.930,5m^2 đất nghĩa địa ông C trồng cây năm 2006) và đất ở do ông C lấn chiếm sử dụng, đồng thời yêu cầu được nhận tiền bồi thường phần đất thuộc qui hoạch mở rộng Khu di tích Lăng cụ Nguyễn Sinh S mà UBND thành phố A đã xác lập phương án bồi thường cho ông Trần Minh C diện tích 2.925,5m^2 số tiền là 1.009.237.000 đồng.

Đất có nguồn gốc của ông Đỗ Văn H1 theo tờ thuận phân năm 1929. Trong tờ thuận phân mang tên Đỗ Văn C sử dụng diện tích 7.150m^2, thực tế ông Chiếm để lại cho em ruột Đỗ Văn P1 quản lý, sử dụng làm nghĩa địa của gia tộc và những người dân nghèo trong khu vực. Đến năm 1970 ông P1 chết, con là Đỗ Thị Đỏ (mẹ bà R) kế thừa quản lý, sử dụng, hiện trạng trên đất có 10 ngôi mộ của gia tộc.

Vào năm 1991 ông C đến ở trên đất của bà H, rồi tự lấn chiếm mở rộng ra nghĩa địa của gia tộc mà mẹ bà đang quản lý. Mẹ bà đã có đơn xin kê khai đăng ký, chính quyền địa phương nói chờ chủ trương, mẹ bà có khiếu nại không được giải quyết, sau đó mẹ bà chết, đến năm 2006 anh em của ông Trần Minh C biết khu nghĩa địa này sẽ thu hồi mở rộng Khu di tích Lăng cụ Nguyễn Sinh S, nên mua cây về trồng thậm chí trồng cả vào khu mộ gia tộc, bà phát hiện nên khiếu nại, nhưng không được giải quyết. Năm 2008 thực hiện Dự án mở rộng Khu di tích Lăng cụ Nguyễn Sinh S thu hồi diện tích 2.925,5m^2 và xác lập phương án bồi thường số tiền 1.009.237.000 đồng và giao 02 nền tái định cư cho ông C, bà không đồng ý đã khiếu nại.

Ngày 30/11/2009, UBND thành phố A ban hành Quyết định số 89/QĐ.UBND nội dung bác đơn đòi lại quyền sử dụng đất và đòi tiền bồi thường, do việc giải quyết khiếu nại không bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, nên bà tiếp tục khiếu nại được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết.

Đến ngày 18/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp mới ban hành Quyết định số 323 về giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà R với ông Trần Minh C. Đề nghị TAND tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên nội dung Quyết định số 323.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ Điều 165 và 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 136, Điều 138 của Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 203, khoản 1 Điều 204 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C.

Hủy Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp. Về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố A. Về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

Hủy Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND thành phố A. Về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

Hủy Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của UBND thành phố A. Về thu hồi Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND thành phố A.

Hủy Quyết định số 258/QĐ-UBND-ND ngày 09/12/2013 của Chủ tịch UBND Tỉnh. Về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị R kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, giữ nguyên Quyết định số 323 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị R và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C, giữ nguyên Quyết định số 323. Với các lý do: Thẩm quyền, hình thức, nội dung của quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định số 323 do UBND tỉnh ban hành đúng như Kết luận của Thanh tra Chính phủ.

Người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Quyết định số 323 có nêu lấy lại 400m^2 đất giao cho bà R mà ông

C đang sử dụng, chia đôi tiền bồi thường. Người khởi kiện không đồng ý và yêu cầu hủy vì giải quyết tranh chấp đất đã được đăng ký quyền sử dụng và trên đất có nhà ở, cây trồng và ao cá là thuộc thẩm quyền của Tòa án. Ngoài ra, nội dung quyết định yêu cầu chia đôi số tiền bồi thường là không phù hợp vì số tiền này bao gồm tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản kiến trúc trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 323 là phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà Lê Thị R và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định các Quyết định số 323 có nội dung giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Minh C và bà Lê Thị R là không đúng thẩm quyền, giải quyết không rõ ràng, không có tính thực thi, không phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Trần Minh C. Ngoài ra, Công văn số 1786/TTCP-C.III ngày 15/7/2016 của Thanh tra Chính phủ gửi Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của bà Lê Thị R, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 17/7/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, ngày 03/5/2019 Chủ tịch UBND thành phố A và ngày 19/7/2019 người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt. Theo Điều 225 Luật Tố Tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt của người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.2] Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý

đất đai, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Ngày 15/11/2017, ông Trần Minh C có đơn khởi kiện đối với quyết định trên là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà R đối với Quyết định số 323.

[2.1] *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Diện tích 4.855m^2 đất tại các thửa số 112, 113, 140 và 194 tờ bản đồ số 4 tại phường 4, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp do ông Trần Minh C sử dụng trước năm 1993, đến năm 2008 thì bà Lê Thị R có đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với ông C.

Ngày 30/11/2009, UBND thành phố A ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà R.

Do Quyết định số 89/QĐ-UBND nêu trên ban hành sai thẩm quyền nên ngày 17/9/2013, Chủ tịch UBND thành phố A ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 89/QĐ-UBND và giải quyết tranh chấp với nội dung bác đơn khiếu nại của bà R. Bà R tiếp tục có đơn khiếu nại.

Ngày 09/12/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ bác đơn khiếu nại của bà R, giữ nguyên Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố A.

Do Thanh tra Chính phủ có Công văn số 1786/TTCP-C.III ngày 15/7/2016 gửi Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp đề nghị hủy Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại khác theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi bên một nửa theo hiện trạng trống còn lại, chia đôi số tiền bồi thường và mỗi bên được hưởng 01 nền tái định cư của dự án Khu di tích Lăng cụ phó bảng Nguyễn Sinh S, nên ngày 18/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 323 giải quyết khiếu nại của bà R theo đúng như nội dung Công văn số 1786/TTCP-C.III của Thanh tra Chính phủ.

Như vậy, Quyết định số 323 được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, với nội dung và trình tự như trên thì Quyết định số 323 đã thay thế các quyết định được ban hành trước đó là Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ

ngày 09/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Chủ tịch UBND thành phố A. Do các quyết định này đã bị thay thế, không còn tồn tại nên không cần đặt ra vấn đề xem xét, đánh giá tính hợp pháp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính hợp pháp và hủy các Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ và Quyết định số 89/QĐ-UBND (đã bị thay thế bởi Quyết định số 71/QĐ-UBND), là không cần thiết.

[2.2] *Về thẩm quyền ban hành:*

Bà R và ông C phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất năm 2008, mặc dù trên đất có nhà và các tài sản cây cối, hoa màu nhưng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Bà R xác nhận chỉ tranh chấp về quyền sử dụng đất, chứ không tranh chấp về tài sản trên đất. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố A và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông C và bà R là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 quy định: *"1. Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Toà án nhân dân giải quyết;"*

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào việc trên đất có nhà cùng các tài sản khác và căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 nêu trên để cho rằng Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông C và bà R sai thẩm quyền, là không chính xác.

[2.3] *Về mặt nội dung:*

Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/12/2013, bà R tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra Chính Phủ. Sau khi xác minh, Thanh tra Chính phủ có Công văn số 1786/TTCP.C.III ngày 09/01/2017 có nội dung: *"Khiếu nại của bà R là có cơ sở, như nội dung thống nhất giữa Thanh tra Chính phủ với Tỉnh theo biên Bản số 48/BB-UBND ngày 28/12/2012. Hủy Quyết định số 258/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/12/2013 của Chủ tịch UBND Tỉnh. Công nhận quyền sử dụng đất của ông C với bà R theo Biên bản lập ngày 25/3/2014 của Đoàn khảo sát và đo đạc hiện trạng thành phố A. Công nhận 400m^2 đất ở cho ông C gồm nhà ở, công trình phụ và phần đất gia đình ông C lập khu mộ năm 2009 (DT khoảng 75m^2). Công nhận đối với phần đất nghĩa địa cho gia tộc bà R theo hiện trạng mồ mả. Công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi bên phân nữa diện tích đất trống còn lại (sau khi trừ đi diện tích đất đã công nhận cho ông C với bà R). Chia đôi phần tiền bồi thường*

1.009.237.000 đồng và mỗi người được bố trí một nền tái định cư theo chính sách tái định cư".

Với nội dung như trên thì việc Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 323 để giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà R và ông C là đúng với xác minh và kết luận của Thanh tra Chính phủ. Tuy nhiên, tại Quyết định số 323 không nêu rõ, cụ thể diện tích, vị trí đất mà các bên được công nhận, phân định tài sản trên đất như thế nào, nên không thể thi hành được quyết định này trên thực tế. Cụ thể như sau:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trên phần diện tích bà Lê Thị R tranh chấp có tài sản, vật kiến trúc là căn nhà của ông C đang sử dụng. Theo biên bản khảo sát phần đất tranh chấp của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố A lập ngày 05/7/2009, thể hiện trên đất tranh chấp có căn nhà cây vách ván cuốn chiều ngang 7,1m; dài 12,8m và một căn nhà tường có chiều ngang 9,7m dài 2,9m. Theo đơn xin cất nhà của ông C ngày 10/11/1992, cũng như tại Biên bản khảo sát đo đạc hiện trạng sử dụng phần đất tranh chấp ngày 25/3/2014 và theo Biên bản, sơ đồ thẩm định ngày 12/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố A thì hiện trạng các tài sản, vật kiến trúc có trên đất tranh chấp của ông C vẫn đang tồn tại và ông C đang sử dụng, được các bên đương sự thừa nhận.

Theo Quyết định số 323 có nội dung: *"Công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi bên phân nữa diện tích đất trống còn lại, sau khi trừ đi diện tích đất đã công nhận cho ông C với bà R"* kèm theo biên bản khảo sát đo đạc hiện trạng sử dụng phần đất tranh chấp lập ngày 25/3/2014 của Đoàn khảo sát và đo đạc hiện trạng thành phố A. Thấy rằng: Nội dung biên bản kèm sơ đồ không xác định được vị trí để công nhận cho các bên như thế nào, mỗi người được giao sử dụng diện tích cụ thể bao nhiêu, trên phần đất được công nhận có tài sản hoặc cây trồng gì không.

- Qua biên bản và sơ đồ thẩm định ngày 12/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố A, trên phần diện tích tranh chấp còn rất nhiều khoảng đất trống, không cùng một vị trí, nếu thi hành quyết định sẽ không xác định được phần nào sẽ được công nhận cho bà R, phần diện tích nào sẽ được công nhận cho ông C. Bên cạnh đó, phần diện tích đất nghĩa địa gia tộc của bà R không nằm trong diện tích các đương sự tranh chấp, không nằm trong phần diện tích của ông C đang quản lý, sử dụng. Mặt khác, trên hiện trạng đất tranh chấp có 35 cây xoài đang cho trái, các đương sự thừa nhận do ông C trồng cách nay khoản 3 đến 5 năm, đồng nghĩa với việc số cây ông C đã trồng trước khi ban hành Quyết định số 323. Tại phiên đối thoại ngày 28/9/2018, bà R đồng ý khi nhận đất sẽ trả giá trị số cây do ông C trồng, nhưng việc trả giá trị của các cây

trồng không được điều chỉnh bởi Quyết định số 323 là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông C.

- Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 về bồi thường do thu hồi đất cho ông Trần Minh C là 1.435.562.814 đồng (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 1.377.226.080; tài sản trên đất là 44.241.734 đồng; các hỗ trợ khác 14.095.000 đồng) có bảng kê chi tiết ngày 02/6/2008. Tranh chấp giữa các bên phát sinh ngày 04/10/2008 và được xem xét giải quyết lần đầu vào ngày 30/11/2009. Như vậy, cho thấy khi tranh chấp thì phần đất của ông C đã bị thu hồi và bồi thường theo Quyết định số 581/QĐ-UBND năm 2008. Trong Quyết định giải quyết tranh chấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi giải quyết số tiền này chưa phân định được số tiền bồi thường tiền đất, tiền cây trồng bao nhiêu mà chỉ chia đôi tổng số tiền 1.009.237.000đ là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

Do đó, cần thiết phải hủy Quyết định số 323 để Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định hành chính khác giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông C và bà R đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp và Chủ tịch UBND thành phố A nhưng lại không tuyên buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật là không đúng quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị R; sửa bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Lê Thị R không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị R, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Hủy Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị R với ông Trần Minh C.

2. Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định giải quyết khiếu nại khác giữa bà Lê Thị R với ông Trần Minh C theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị R không phải chịu, hoàn lại cho bà R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000010 ngày 11/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Hoàng Minh Thịnh** **Trần Thị Hòa Hiệp**